

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

Ngày 26/11/2019, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV đã thông qua Luật Lực lượng dự bị động viên số 53/2019/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020, thay thế cho Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên được Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa IX) thông qua ngày 27/8/1996.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Sau hơn 20 năm thực hiện Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên (DBĐV) đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, là cơ sở góp phần thiết thực xây dựng lực lượng vũ trang nói chung và lực lượng DBĐV nói riêng ngày càng hùng hậu, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, nhiều chủ trương, quan điểm mới của Đảng, quy định mới của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến lực lượng DBĐV chưa được thể chế, cụ thể hóa; một số nội dung của Pháp lệnh chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản pháp luật hiện hành có quy định liên quan đến lực lượng DBĐV¹; nhiều nội dung đang được điều chỉnh ở văn bản dưới luật có tính pháp lý chưa cao, chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ.

Bên cạnh đó, qua tổng kết 20 năm thực hiện Pháp lệnh về lực lượng DBĐV trên phạm vi cả nước đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập² trong thực hiện Pháp lệnh. Ngoài ra, thực tiễn cũng đòi hỏi huy động lực lượng DBĐV tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả do thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm; tuy nhiên, nội dung này chưa được quy định trong Pháp lệnh.

Từ những vấn đề này, việc nâng Pháp lệnh lên thành Luật Lực lượng DBĐV để thể chế đường lối, chủ trương của Đảng đối với lực lượng DBĐV trong tình hình mới; tiếp tục hoàn thiện pháp luật về lực lượng DBĐV theo quy định của Hiến pháp năm 2013, bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa các quy định của pháp luật về lực lượng DBĐV với các văn bản pháp luật liên quan, tạo hành lang pháp lý đầy đủ và cao hơn nhằm đáp ứng sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là hết sức cần thiết.

II. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bố cục: Luật Lực lượng DBĐV (sau đây gọi chung là Luật), gồm 05 chương, 41 điều, cụ thể như sau:

¹ Luật Quốc phòng, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ.

² Nổi bật là: Nguồn quân nhân dự bị tuy nhiều nhưng phân bố không đều; việc tổ chức các đơn vị DBĐV gặp khó khăn do chất lượng chuyên nghiệp quân sự của quân nhân dự bị đạt thấp; sĩ quan dự bị thiếu so với yêu cầu do đầu vào hạn chế; chất lượng sĩ quan dự bị thấp, chủ yếu là đào tạo từ hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ, thời gian đào tạo ngắn, việc đào tạo, bồi dưỡng, theo chức vụ chưa làm thường xuyên nên năng lực chỉ huy, huấn luyện, quản lý đơn vị DBĐV còn hạn chế...

- Chương I. Những quy định chung, gồm 07 điều (từ Điều 1 đến Điều 7).
- Chương II. Xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV, gồm 03 mục, 21 điều (từ Điều 8 đến Điều 28).
- Chương III. Chế độ, chính sách và kinh phí bảo đảm cho xây dựng, huy động lực lượng DBĐV, gồm 06 điều (từ Điều 29 đến Điều 34).
- Chương IV. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV, gồm 06 điều (từ Điều 35 đến Điều 40).
- Chương V, gồm 01 điều (Điều 41) quy định về hiệu lực thi hành của Luật.

2. Nội dung cơ bản của Luật

2.1. Những quy định chung (Chương I)

- Về phạm vi điều chỉnh: Luật quy định về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV; chế độ, chính sách, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV.

So với Pháp lệnh về lực lượng DBĐV năm 1996, đây là điều luật mới được bổ sung, nhằm bảo đảm kỹ thuật xây dựng văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Nội dung quy định tại Điều này xác định đối tượng mà các quy định của Luật tác động tới.

- Giải thích từ ngữ: Để bảo đảm sự thống nhất về cách hiểu các thuật ngữ chuyên ngành trong toàn bộ nội dung của Luật, Luật đã giải thích rõ 08 khái niệm gồm: Lực lượng DBĐV; Quân nhân dự bị; Phương tiện kỹ thuật dự bị; Đơn vị DBĐV; Đơn vị chuyên môn dự bị; Chuyên nghiệp quân sự; Huy động lực lượng DBĐV; Chủ phương tiện kỹ thuật dự bị.

- Các nguyên tắc trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV:

Thứ nhất, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ và sự chỉ huy, chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thứ hai, bảo đảm xây dựng lực lượng DBĐV vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có trình độ chiến đấu cao và được quản lý chặt chẽ;

Thứ ba, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân;

Thứ tư, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

Thứ năm, xây dựng, huy động đơn vị DBĐV bảo đảm đủ quân số, phương tiện kỹ thuật dự bị; đúng tiêu chuẩn, thời gian; bảo đảm bí mật, an toàn theo quy định của pháp luật và kế hoạch được phê duyệt;

Thứ sáu, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV.

- Về trách nhiệm của quân nhân dự bị:

+ Đối với quân nhân dự bị được xếp trong đơn vị DBĐV có trách nhiệm: (i) Kiểm tra sức khỏe; (ii) Thực hiện lệnh gọi huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu; (iii) Thực hiện chế độ sinh hoạt đơn vị DBĐV và nhiệm vụ do người chỉ huy giao; (iv) Thực hiện lệnh huy động để bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

+ Đối với quân nhân dự bị giữ chức vụ chỉ huy đơn vị DBĐV, bên cạnh thực hiện các trách nhiệm như trách nhiệm của quân nhân dự bị được xếp trong đơn vị DBĐV (nêu trên), còn có các trách nhiệm khác, như: (i) Nắm tình hình số lượng, chất lượng đơn vị; duy trì đơn vị sinh hoạt theo chế độ và thực hiện chế độ báo cáo; (ii) Quản lý, chỉ huy đơn vị khi huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu; (iii) Quản lý, chỉ huy đơn vị để bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

- Quyền và nghĩa vụ của chủ phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị; bồi thường thiệt hại do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị gây ra:

Nhằm bảo đảm chế định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật về trưng mua, trưng dụng, Luật quy định quyền và nghĩa vụ của chủ phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị; quy định bồi thường thiệt hại do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị gây ra, như sau:

+ Chủ phương tiện kỹ thuật dự bị có nghĩa vụ chấp hành quyết định huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị; được hoàn trả phương tiện kỹ thuật dự bị, thanh toán các khoản chi phí và bồi thường thiệt hại do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị gây ra.

Người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị có nghĩa vụ chấp hành quyết định huy động; được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật này.

+ Trường hợp phương tiện kỹ thuật dự bị bị hư hỏng, bị mất hoặc bị tiêu hủy, bị thiệt hại về thu nhập do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị trực tiếp gây ra thì chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được bồi thường thiệt hại.

Người có thẩm quyền quyết định huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

Trường hợp phương tiện kỹ thuật dự bị được huy động, điều động là tài sản nhà nước giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập bị hư hỏng, mất hoặc bị tiêu hủy thì được bố trí kinh phí để sửa chữa hoặc mua mới theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Về các hành vi bị nghiêm cấm:

Để làm cơ sở xác định chế tài xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV; định hướng tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật về lực lượng DBĐV, Luật quy định 05 hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV, gồm: (i) Trốn tránh thực hiện trách nhiệm của quân nhân dự bị, nghĩa vụ của chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được huy động, điều động; (ii) Chống đối, cản trở việc xây dựng, huy động lực lượng DBĐV; (iii) Huy động, điều động lực lượng DBĐV không có trong kế hoạch được phê duyệt; (iv) Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng DBĐV xâm phạm lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; (v) Phân biệt đối xử về giới trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV.

2.2. Xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV (Chương II)

a) Kế hoạch xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV

- Về lập kế hoạch: Luật đã luật hóa một phần chương I Nghị định số 39/CP, ngày 28/4/1997 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Pháp lệnh về lực lượng DBĐV và quy định bổ sung theo hướng:

+ Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập Kế hoạch nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng DBĐV;

+ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng DBĐV lập kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng DBĐV của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng DBĐV lập kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng DBĐV của đơn vị;

+ UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện lập kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng DBĐV của địa phương;

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thẩm quyền lập kế hoạch huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV của đơn vị Quân đội nhân dân.

- Về nội dung kế hoạch: Luật đã quy định theo hướng nội dung của kế hoạch nào gắn với kế hoạch đó để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc xây dựng các kế hoạch, cụ thể như:

+ Kế hoạch xây dựng lực lượng DBĐV bao gồm các nội dung: (i) Tổ chức biên chế đơn vị DBĐV; (ii) Quản lý đơn vị DBĐV; (iii) Tuyển chọn, đào tạo sĩ quan dự bị; (iv) Huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu; (v) Công tác đảng, công tác chính trị; (vi) Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

+ Kế hoạch huy động lực lượng DBĐV bao gồm các nội dung: (i) Thông báo quyết định huy động, lệnh huy động; (ii) Tập trung, vận chuyển, giao nhận quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị; (iii) Công tác đảng, công tác chính trị; (iv) Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính; (v) Chỉ huy, điều hành việc huy động lực lượng

DBĐV; (vi) Bảo vệ trong quá trình tập trung, vận chuyển, giao nhận quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.

+ Kế hoạch tiếp nhận lực lượng DBĐV bao gồm các nội dung: (i) Quyết định về việc thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận lực lượng DBĐV; (ii) Tiếp nhận quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị; (iii) Công tác đảng, công tác chính trị; (iv) Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

- Về cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kế hoạch, Luật quy định:

+ Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng DBĐV.

+ Bộ Quốc phòng thẩm định; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng DBĐV của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

+ Ban chỉ huy quân sự Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thẩm định; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ phê duyệt kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng DBĐV của đơn vị thuộc quyền.

+ Cơ quan Bộ Quốc phòng thẩm định; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt kế hoạch huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV của quân khu, kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng DBĐV của UBND thành phố Hà Nội.

+ Cơ quan quân khu thẩm định; Tư lệnh Quân khu phê duyệt kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng DBĐV của UBND cấp tỉnh.

+ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về kế hoạch và đầu tư thuộc UBND cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan thẩm định; Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng DBĐV của UBND cấp huyện.

+ Cơ quan cấp trên trực tiếp thẩm định; Thủ trưởng cấp trên trực tiếp phê duyệt kế hoạch tiếp nhận lực lượng DBĐV của đơn vị thuộc quyền trong Quân đội nhân dân.

b) Xây dựng lực lượng DBĐV

- Về đăng ký, quản lý quân nhân dự bị: Để đảm bảo phù hợp, thống nhất quy định về đăng ký, quản lý quân nhân dự bị với các luật khác³, Luật quy định:

+ Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân cư trú tại địa phương.

Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp

³ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; Luật Nghĩa vụ quân sự; Luật Dân quân tự vệ.

pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị tại nơi cư trú;

+ UBND cấp xã, UBND cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện quản lý quân nhân dự bị cư trú tại địa phương;

+ Ban chỉ huy quân sự cấp huyện phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức trên địa bàn;

+ Về trình tự, thủ tục đăng ký quân nhân dự bị cho công dân cư trú tại địa phương và công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức do Chính phủ quy định.

- Về đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị: Luật đã quy định rõ cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị; cơ quan có thẩm quyền đăng ký, quản lý và giao Chính phủ quy định chi tiết Danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị, cụ thể:

+ Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện hàng không dân dụng, phương tiện hàng hải, phương tiện thủy nội địa của Bộ Giao thông vận tải và cơ quan đăng ký tàu công vụ thủy sản, tàu kiểm ngư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm định kỳ hằng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho Bộ Quốc phòng để đăng ký, quản lý;

+ Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cơ quan quản lý phương tiện thông tin liên lạc, thiết bị vật tư y tế ở địa phương có trách nhiệm định kỳ hằng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho UBND cấp huyện nơi cư trú của chủ phương tiện để đăng ký, quản lý;

+ UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức định kỳ hằng năm báo cáo, cung cấp thông tin về phương tiện kỹ thuật dự bị không thuộc trường hợp quy định nêu trên cho UBND cấp huyện nơi cư trú của chủ phương tiện hoặc nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở để đăng ký, quản lý.

- Giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng DBĐV: Luật kế thừa một số nội dung tại Điều 10 Pháp lệnh về lực lượng DBĐV và bổ sung cụ thể phân cấp giao chỉ tiêu đúng thẩm quyền của các cấp theo hướng 2 vấn đề, như sau:

+ Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng DBĐV cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

+ Căn cứ chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao: (i) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định quy mô, loại hình tổ chức và số lượng đơn vị DBĐV cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh; quyết định chỉ tiêu tiếp nhận lực lượng DBĐV và quy định động viên trong từng trạng thái sẵn sàng chiến đấu cho đơn vị Quân đội nhân dân; (ii) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng DBĐV cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền; (iii) Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng DBĐV cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền và UBND cấp huyện. Chủ tịch UBND cấp huyện giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng DBĐV cho UBND cấp xã.

- Tổ chức biên chế đơn vị DBĐV: Cơ bản được kế thừa từ Điều 11 Pháp lệnh về lực lượng DBĐV và bổ sung cụ thể về lượng dự trữ quân nhân dự bị theo hướng 2 vấn đề: (i) Quy định quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội được tổ chức thành các đơn vị DBĐV; (ii) Quy định đơn vị DBĐV phải được duy trì đủ quân số, có số lượng dự phòng 10% đến 15%; dự trữ vũ khí, trang bị kỹ thuật theo biên chế.

- Quy định về độ tuổi quân nhân dự bị sắp xếp vào đơn vị DBĐV trong thời bình: Luật hóa một số nội dung Điều 7, Điều 8 Chương II Nghị định số 39/CP, ngày 28/4/1997 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Pháp lệnh về lực lượng DBĐV và quy định cụ thể theo hướng:

+ Đối với độ tuổi sĩ quan dự bị sắp xếp vào đơn vị DBĐV thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Đối với độ tuổi quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị sắp xếp vào đơn vị DBĐV được quy định: (i) Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị không quá 40 tuổi; hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 35 tuổi được sắp xếp vào đơn vị chiến đấu; (ii) Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 45 tuổi; nữ quân nhân dự bị không quá 40 tuổi được sắp xếp vào đơn vị bảo đảm chiến đấu.

- Về sắp xếp phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị DBĐV; thẩm quyền sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị DBĐV, Luật quy định:

+ Phương tiện kỹ thuật dự bị được sắp xếp vào đơn vị DBĐV có tính năng đúng yêu cầu sử dụng trong biên chế của từng đơn vị Quân đội nhân dân; trường hợp không có thì sắp xếp phương tiện kỹ thuật dự bị có tính năng tương tự.

+ UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân có chỉ tiêu tiếp nhận lực lượng DBĐV thực hiện việc sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị DBĐV.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tước danh hiệu quân nhân, giải ngạch đối với quân nhân dự bị: Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các luật khác có liên quan⁴ trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tước danh hiệu quân nhân, giải ngạch đối với quân nhân dự bị, Luật quy định:

+ Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; giải ngạch sĩ quan dự bị thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam;

+ Việc phong, thăng quân hàm và giải ngạch quân nhân chuyên nghiệp dự bị thực hiện theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng;

⁴ Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự.

+ Việc bổ nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm; tước danh hiệu quân nhân và giải ngạch hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị thực hiện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự.

- Quy định về tuyển chọn, đào tạo sĩ quan dự bị: Thủ tướng Chính phủ quyết định chỉ tiêu đào tạo sĩ quan dự bị hằng năm. Trên cơ sở quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định số lượng từng nhóm, ngành sĩ quan dự bị cần đào tạo giao cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh thực hiện.

- Về huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị DBĐV, Luật quy định:

+ Hằng năm Thủ tướng Chính phủ quyết định chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị DBĐV cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ: (i) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền; (ii) Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu cho UBND cấp huyện. Chủ tịch UBND cấp huyện giao chỉ tiêu cụ thể cho UBND cấp xã.

Việc gọi quân nhân dự bị huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự.

Để phục vụ huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu, Luật giao thẩm quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều động có thời hạn phương tiện kỹ thuật dự bị đã xếp trong đơn vị DBĐV thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định điều động số lượng, thời hạn phương tiện kỹ thuật dự bị đã xếp vào đơn vị DBĐV; Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh về việc điều động từng phương tiện kỹ thuật dự bị.

- Quy định về chế độ sinh hoạt của quân nhân dự bị:

+ UBND cấp huyện tổ chức sinh hoạt cho quân nhân dự bị giữ chức vụ chỉ huy đơn vị DBĐV từ tiểu đội trưởng và tương đương trở lên.

+ UBND cấp xã, UBND cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã tổ chức sinh hoạt cho quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị DBĐV theo hình thức, nội dung, thời gian sinh hoạt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

c) Huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV

- Các trường hợp huy động lực lượng DBĐV:

Để thống nhất với Luật Quốc phòng, Luật quy định các trường hợp huy động lực lượng DBĐV, bao gồm: (i) Khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ; (ii) Khi thi hành lệnh thiết quân luật; (iii) Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; (iv) Để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

- Quy định về huy động lực lượng DBĐV khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ, được Luật quy định:

+ Thủ tướng Chính phủ quyết định số lượng quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị huy động ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trên cơ sở đó, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra lệnh huy động đơn vị DBĐV.

+ Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra lệnh huy động đơn vị DBĐV ở từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

+ Trên cơ sở quyết định của Thủ tướng Chính phủ, lệnh huy động của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, việc huy động lực lượng DBĐV được quy định: (i) Người có thẩm quyền theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự quyết định gọi quân nhân dự bị nhập ngũ; (ii) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều động phương tiện kỹ thuật dự bị trong đơn vị DBĐV do cơ quan mình xây dựng; (iii) Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định huy động phương tiện kỹ thuật dự bị ở địa phương; trường hợp đơn vị Quân đội nhân dân không có người vận hành, điều khiển thì được quyết định huy động người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị. Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh về việc huy động phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị.

- Về huy động lực lượng DBĐV khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ, được quy định như sau:

+ Huy động lực lượng DBĐV khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ trong các trường hợp: khi thi hành lệnh thiết quân luật; khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

+ Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị trong trường hợp: khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp hoặc để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm. Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh về việc huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.

+ Người chỉ huy đơn vị Quân đội nhân dân được giao quản lý địa phương thiết quân luật quyết định huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.

- Về thông báo quyết định, lệnh huy động lực lượng DBĐV: được luật hóa các quy định tại Điều 21 Pháp lệnh về lực lượng DBĐV và quy định bổ sung cụ thể theo hướng giao cho Bộ Quốc phòng quy định chi tiết.

- Về tập trung, vận chuyển, giao nhận lực lượng DBĐV: được luật hóa từ các quy định tại Điều 22 Pháp lệnh về lực lượng DBĐV và quy định bổ sung cụ thể theo hướng giao cho Bộ Quốc phòng quy định chi tiết.

2.3. Chế độ, chính sách và kinh phí bảo đảm cho xây dựng, huy động lực lượng DBĐV (Chương III)

- Về phụ cấp đối với quân nhân dự bị được sắp xếp, bổ nhiệm chức vụ chỉ huy đơn vị DBĐV: Luật đã luật hóa các quy định tại Điều 25 Pháp lệnh về lực lượng DBĐV và giao cho Chính phủ quy định chi tiết bảo đảm tính linh hoạt phù hợp thực tế.

- Về chế độ, chính sách đối với quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ:

+ Đối với chế độ tiền lương và phụ cấp đối với quân nhân dự bị, được quy định: (i) Quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc trong cơ quan, tổ chức và hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cơ quan, tổ chức nơi đang lao động, học tập, làm việc trả nguyên lương và các khoản phụ cấp, trợ cấp, phúc lợi, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe. Trường hợp mức lương, phụ cấp thấp hơn mức lương, phụ cấp áp dụng trong Quân đội nhân dân thì đơn vị Quân đội nhân dân trả phần chênh lệch; (ii) Quân nhân dự bị không thuộc các đối tượng theo quy định nêu trên được đơn vị Quân đội nhân dân cấp một khoản phụ cấp theo ngày làm việc trên cơ sở mức tiền lương cơ bản của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, tại ngũ hoặc bằng mức phụ cấp theo cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ; tiền tàu xe và phụ cấp đi đường như đối với quân nhân tại ngũ.

+ Quân nhân dự bị được cấp hoặc mượn quân trang, đồ dùng sinh hoạt và bảo đảm tiền ăn theo chế độ hiện hành đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

+ Quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc trong cơ quan, tổ chức nếu đang nghỉ phép năm mà được gọi huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu, huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ thì những ngày phép còn lại được nghỉ tiếp sau khi kết thúc nhiệm vụ hoặc được nghỉ bù vào thời gian thích hợp.

+ Quân nhân dự bị khi thực hiện nhiệm vụ bị thương hoặc hy sinh được công nhận là thương binh hoặc liệt sĩ thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

+ Quân nhân dự bị khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hưởng chế độ, chính sách như đối với người lao động làm cùng công việc.

+ Quân nhân dự bị tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, chết hoặc bị suy giảm khả năng lao động thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; trường hợp không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ.

- Chế độ trợ cấp đối với gia đình quân nhân dự bị: Gia đình quân nhân dự bị được hưởng trợ cấp trong thời gian quân nhân dự bị tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ theo quy định của Chính phủ.

- Chế độ, chính sách đối với người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị trong thời gian được huy động, Luật quy định:

+ Người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị được bảo đảm tiền ăn tương đương với tiền ăn của chiến sĩ bộ binh; trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, chết, bị suy giảm khả năng lao động hoặc khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách như đối với quân nhân dự bị.

+ Người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cơ quan, tổ chức nơi đang lao động, làm việc trả nguyên lương, các khoản phụ cấp, trợ cấp, phúc lợi, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe; trường hợp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì được đơn vị Quân đội nhân dân chi trả tiền công lao động cho ngày làm việc tính theo mức thu nhập trung bình 03 tháng liền kề của công việc mà người đó thực hiện trước khi được huy động, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe.

Việc quy định các chính sách, chế độ như trên được rà soát chặt chẽ, đầy đủ đối tượng, trách nhiệm, quyền lợi, thể hiện cụ thể quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với các đối tượng thụ hưởng, thống nhất các quy định của pháp luật. Luật giao Chính phủ quy định chi tiết về chế độ, chính sách nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở từng thời kỳ, từng giai đoạn để xây dựng lực lượng DBĐV hùng hậu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Nguồn kinh phí và nội dung chi: Luật quy định ngân sách nhà nước bảo đảm cho việc xây dựng, huy động lực lượng DBĐV được bố trí trong dự toán chi hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác. Đồng thời, quy định cụ thể nội dung chi cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong nhiệm vụ này bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, tránh sự chồng chéo trong hoạt động chi cho xây dựng, huy động lực lượng DBĐV.

2.4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV (Chương IV)

- Luật giao Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV, với các nhiệm vụ như: Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và

tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV; xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV; quy định và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV; tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV.

- Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức có liên quan lập và thực hiện kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng DBĐV. Chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị thuộc quyền xây dựng đơn vị chuyên môn dự bị bảo đảm đủ số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp:

+ HĐND các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm: (i) Quyết định ngân sách bảo đảm cho việc xây dựng, huy động lực lượng DBĐV của địa phương; (ii) Giám sát việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nghị quyết của HĐND trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV.

+ UBND các cấp, trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm: (i) Thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV ở địa phương; (ii) Chủ trì, phối hợp với đơn vị Quân đội nhân dân thực hiện xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về lực lượng DBĐV; giám sát việc thực hiện pháp luật về lực lượng DBĐV.

- Cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc có trách nhiệm phối hợp với địa phương bố trí thời gian cho quân nhân dự bị tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; tiếp nhận, bố trí công việc cho quân nhân dự bị khi kết thúc huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và thực hiện xong nhiệm vụ.

III. TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

Ngày 06/02/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 201/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Lực lượng DBĐV. Theo đó, Kế hoạch tập trung vào các nhiệm vụ sau:

1. Rà soát văn bản pháp luật

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật về Lực lượng DBĐV và văn

bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, báo cáo về Bộ Quốc phòng để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với Luật.

2. Xây dựng văn bản thi hành Luật

- Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan liên quan có trách nhiệm:

+ Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật triển khai thi hành Luật có hiệu lực đồng thời với Luật Lực lượng DBĐV⁵.

+ Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổ chức, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Lực lượng DBĐV.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bảo đảm phù hợp với Luật và các Nghị định của Chính phủ.

3. Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật về Lực lượng DBĐV

Theo Kế hoạch, Bộ Quốc phòng được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, cơ quan báo chí, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ trong năm 2020 và 2021, cụ thể như sau:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành với nội dung, hình thức phù hợp cho từng đối tượng nhằm thống nhất nhận thức pháp luật và trách nhiệm xây dựng lực lượng DBĐV hùng hậu, nhất là trên các địa bàn chiến lược, trọng yếu, biên giới, biển, đảo, vùng sâu, vùng xa.

Tổ chức tập huấn Luật cho cán bộ, công chức của cơ quan, tổ chức, địa phương, lực lượng vũ trang nhân dân nhằm nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thi hành Luật.

Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật về lực lượng DBĐV phải có Đề án, Kế hoạch, triển khai đồng bộ, sâu rộng, thiết thực và hiệu quả. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Đề án, Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật về lực lượng DBĐV và tổ chức thực hiện.

- Biên soạn tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật và các văn bản thi hành Luật./.

⁵ Xây dựng 05 Nghị định: (i) Nghị định quy định Danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị; (ii) Nghị định quy định huy động lực lượng DBĐV khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; (iii) Nghị định quy định về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam; (iv) Nghị định quy định về cơ sở huấn luyện DBĐV cấp tỉnh; (v) Nghị định quy định chế độ, chính sách đối với xây dựng, huy động lực lượng DBĐV.